

Bản tin Phân tích kỹ thuật

05/10/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 41I1GA000 tiếp cận kháng cự 1.903 điểm nhưng chưa thể vượt ngưỡng này. Dự báo hợp đồng có thể thoái lui về khu vực 1.893 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh ngưỡng 1.903 điểm, với mục tiêu 1.893 điểm và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.906 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.903 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.893 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.906 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Tiêu cực
VN30	Tiêu cực	Tiêu cực
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Trung tính



Nguồn: Vietcap

- VN-Index hồi phục trên nền thanh khoản thấp, cho thấy sự thận trọng từ cả bên mua và bên bán trên phần lớn cổ phiếu HOSE. Lực mua cải thiện tại một số cổ phiếu thuộc nhóm Ngân hàng, Bất động sản, Bán lẻ, Vật liệu và Tiêu dùng nhưng vẫn mang tính cục bộ, chưa đủ lan tỏa để hình thành xu hướng dòng tiền rõ ràng. Ở chiều ngược lại, áp lực bán đã thuyên giảm đáng kể so với phiên 02/10.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index hồi phục trên thanh khoản thấp và đà tăng bị giới hạn tại vùng 1.760 điểm, cho thấy nhịp tăng hiện tại chủ yếu mang tính kỹ thuật. Trong phiên 06/10, khu vực 1.760 điểm sẽ tiếp tục đóng vai trò kháng cự và chưa thể loại trừ khả năng chỉ số thoái lui trở lại vùng 1.730 điểm.
- Đánh giá khả năng tạo đáy, phiên 05/10 ghi nhận áp lực bán hạ nhiệt nhưng lực mua vẫn tương đối mờ nhạt, thể hiện qua thanh khoản thấp. Đồng thời, mức tăng của chỉ số phụ thuộc nhiều vào VIC trong khi phần còn lại của thị trường chưa ghi nhận sự cải thiện đồng thuận về dòng tiền. Do đó, chúng tôi cho rằng nhịp hồi hiện tại vẫn mang tính kỹ thuật và chưa đủ điều kiện xác nhận tín hiệu tạo đáy.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SSI	24/08/2026		Đang mở	19,650	21,100	-6.9%	19,300	23,000		
DGW	15/09/2026		Đang mở	47,400	45,400	4.4%	42,800	56,000	44,500	
PVS	18/09/2026		Đang mở	33,100	33,000	0.3%	30,800	39,500	33,000	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	232,000	3.57%	0.04%	1,800,827	12.166	2,752	10.6	84.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LPB	43,000	6.97%	-5.49%	128,453	1.692	3,780	3.0	11.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	20,500	2.24%	1.49%	173,081	0.735	2,750	1.2	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	68,300	0.59%	-1.73%	561,072	0.625	9,730	2.1	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	28,050	-1.41%	2.00%	140,398	-0.373	3,897	1.6	7.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GEE	71,300	4.09%	-2.06%	45,668	0.353	5,569	5.7	12.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	74,400	1.64%	3.33%	109,792	0.340	6,661	3.1	11.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	32,500	0.78%	-1.07%	230,303	0.338	3,829	1.3	8.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
BID	34,600	-0.57%	-3.22%	269,127	-0.293	4,250	1.4	8.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	17,450	2.35%	-7.43%	60,531	0.269	869	1.4	20.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MCH	140,000	0.57%	1.45%	183,037	0.199	5,423	9.7	25.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	23,000	0.44%	0.22%	230,000	0.190	2,982	1.3	7.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	71,300	0.85%	3.33%	104,125	0.167	4,629	2.6	15.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VCB	57,000	-0.18%	-2.23%	476,273	-0.158	4,984	1.9	11.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	29,650	-0.34%	-0.67%	230,290	-0.146	5,172	1.2	5.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NVB	16,500	10.00%	21.32%	48,256	2.655	135	2.0	122.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	112,000	1.73%	4.19%	33,600	0.319	11,734	5.1	9.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HUT	12,000	-2.44%	-5.51%	12,819	-0.172	525	1.2	22.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	12,700	-2.31%	-3.79%	11,423	-0.145	1,119	0.9	11.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	33,100	-1.19%	-0.90%	20,313	-0.133	3,432	1.3	9.6	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIF	14,500	3.57%	-1.36%	5,075	0.100	1,407	1.0	10.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	76,100	0.26%	-1.17%	68,474	0.099	16,970	3.2	4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	52,100	1.56%	-0.95%	10,693	0.092	5,810	2.5	9.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PTI	18,800	6.21%	0.53%	2,267	0.078	2,195	0.8	8.6	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
CEO	10,300	-1.90%	-6.36%	6,136	-0.064	321	1.0	32.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MVN	68,800	6.83%	17.61%	79,982	1.112	2,341	5.2	28.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	79,200	-1.49%	-0.75%	243,353	-0.739	4,047	6.4	19.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDP	260,000	9.01%	9.01%	16,069	0.295	9,438	5.4	27.6	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VGR	128,000	-10.55%	-6.71%	10,648	-0.229	6,227	9.3	20.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	49,500	6.00%	10.00%	16,068	0.196	3,740	2.5	13.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SJG	19,000	-8.65%	-7.77%	8,721	-0.154	4,100	1.1	4.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
F88	46,200	-6.85%	-15.23%	10,777	-0.150	4,365	2.9	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CC1	33,000	-3.51%	-13.16%	16,846	-0.120	549	3.1	61.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	59,200	-1.17%	-3.74%	43,764	-0.104	4,936	3.4	12.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
QNS	51,700	-2.64%	2.78%	19,112	-0.102	5,267	1.8	9.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

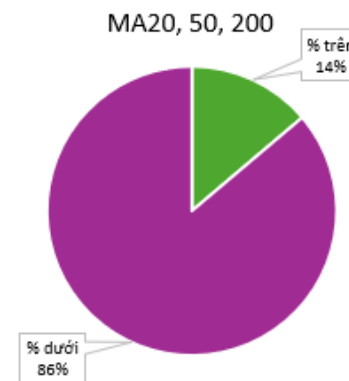
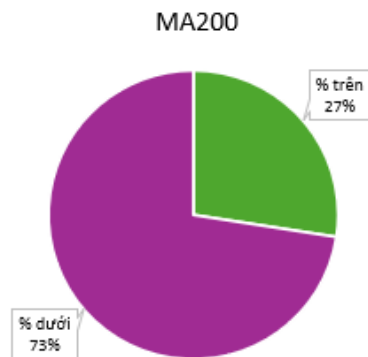
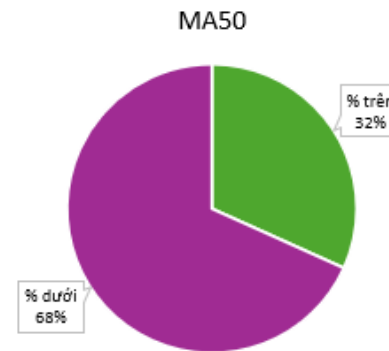
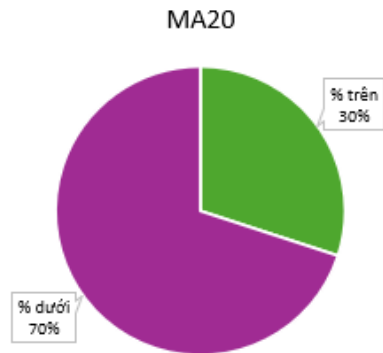
VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NVB	16,500	10.0%	58.1	13.5	10,200	15,500	2.0	122.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	49,500	6.0%	26.4	10.6	29,808	48,500	2.5	13.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVP	22,850	3.9%	21.9	22.0	13,042	22,000	1.2	7.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHP	17,950	0.3%	12.5	17.6	8,921	17,900	1.7	33.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DRI	16,700	3.1%	38.4	16.7	9,788	16,200	1.5	5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCX	27,800	-0.4%	49.3	80.5	27,900	43,644	2.0	15.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	11,050	-0.9%	328.0	480.6	11,150	17,938	0.7	4.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	24,950	-1.0%	34.5	33.9	25,200	38,000	0.9	20.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	15,000	-0.7%	47.7	77.9	15,100	35,850	0.9	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	15,200	-0.7%	29.9	51.8	15,300	27,024	1.3	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	12,000	-2.4%	20.0	19.0	12,300	18,300	1.2	22.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	12,700	-2.3%	111.0	128.1	13,000	27,400	0.9	11.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	21,650	-6.1%	242.7	243.3	23,050	84,671	0.8	4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DIG	9,020	-2.5%	25.6	48.0	9,142	23,208	0.8	9.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	10,300	-1.9%	50.5	71.9	10,500	30,382	1.0	32.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	14,650	-2.7%	17.0	16.8	15,050	31,871	0.9	6.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IJC	6,410	-2.3%	5.1	8.3	6,560	13,124	0.5	5.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	9,000	-1.1%	7.4	11.3	9,100	19,700	0.4	176.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	4,800	-1.6%	6.6	11.2	4,880	12,650	0.4	11.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	10,100	-2.4%	11.1	11.6	10,350	32,612	0.8	3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	15,250	-0.3%	6.4	14.2	15,300	27,423	0.8	8.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FCN	10,250	-0.5%	8.7	6.6	10,300	17,852	0.6	20.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	11,600	-5.3%	8.0	5.0	12,250	25,001	1.0	10.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TVN	9,400	4.4%	13.8	4.1	7,061	11,510	0.7	8.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VTO	11,700	4.0%	28.6	3.3	10,050	12,373	0.8	5.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			05/10/2026	02/10/2026	01/10/2026	30/09/2026	29/09/2026	28/09/2026	25/09/2026	24/09/2026
VNINDEX	MA200	Trên	22%	22%	23%	24%	24%	24%	24%	24%
		Dưới	78%	78%	77%	76%	76%	76%	76%	76%
	MA50	Trên	31%	27%	31%	33%	34%	33%	34%	31%
		Dưới	69%	73%	69%	67%	66%	67%	66%	69%
	MA20	Trên	29%	27%	30%	30%	28%	29%	31%	27%
		Dưới	71%	73%	70%	70%	72%	71%	69%	73%
VN30	MA200	Trên	27%	23%	27%	30%	33%	30%	33%	37%
		Dưới	73%	77%	73%	70%	67%	70%	67%	63%
	MA50	Trên	43%	37%	37%	47%	47%	47%	57%	57%
		Dưới	57%	63%	63%	53%	53%	53%	43%	43%
	MA20	Trên	23%	23%	27%	27%	23%	30%	33%	33%
		Dưới	77%	77%	73%	73%	77%	70%	67%	67%
HNX	MA200	Trên	26%	26%	25%	28%	27%	26%	26%	28%
		Dưới	74%	74%	75%	72%	73%	74%	74%	72%
	MA50	Trên	33%	32%	33%	31%	30%	31%	31%	32%
		Dưới	67%	68%	67%	69%	70%	69%	69%	68%
	MA20	Trên	26%	26%	25%	28%	27%	26%	26%	28%
		Dưới	74%	74%	75%	72%	73%	74%	74%	72%
UPCOM	MA200	Trên	29%	29%	28%	29%	27%	28%	28%	27%
		Dưới	71%	71%	72%	71%	73%	72%	72%	73%
	MA50	Trên	32%	31%	30%	31%	29%	29%	30%	30%
		Dưới	68%	69%	70%	69%	71%	71%	70%	70%
	MA20	Trên	31%	31%	30%	30%	29%	30%	31%	31%
		Dưới	69%	69%	70%	70%	71%	70%	69%	69%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15		Tháng 10										Tháng 9									
		05	02	01	30	29	28	25	24	23	22	21	18	17	16	15	14	11	10	09	08
1	Bán lẻ	83	78	77	77	75	72	75	72	71	62	57	61	57	55	55	55	60	66	61	61
2	Hàng & Dịch vụ Cón...	65	63	65	66	66	64	63	60	60	57	50	54	53	52	50	48	50	52	51	52
3	Dầu khí	60	57	62	59	71	61	53	56	73	73	78	76	79	82	80	68	57	58	58	56
4	Hóa chất	56	54	59	59	61	59	61	60	59	56	56	57	59	59	57	52	55	60	62	60
5	Tài nguyên Cơ bản	53	47	46	46	49	45	46	46	49	49	48	49	49	47	49	48	50	51	54	54
6	Điện, nước & xăng d...	51	52	57	58	57	51	49	52	54	44	43	46	40	36	35	34	33	34	38	34
7	Thực phẩm và đồ uố...	47	43	42	39	40	40	41	43	43	43	43	45	44	44	44	44	45	48	49	50
8	Ngân hàng	40	40	43	47	48	48	53	52	55	50	51	50	54	52	49	44	44	50	49	50
9	Hàng cá nhân & Gia ...	40	34	32	32	32	32	34	36	37	34	34	38	35	33	36	34	37	40	46	49
10	Xây dựng và Vật liệu	33	31	33	37	38	34	36	36	35	32	27	31	30	30	30	27	32	36	37	37
11	Du lịch và Giải trí	31	38	39	41	43	43	44	44	46	47	46	45	44	38	35	33	35	35	36	39
12	Bất động sản	24	23	23	25	25	27	30	29	31	34	32	37	36	34	35	36	37	44	45	47
13	Ô tô và phụ tùng	24	24	24	26	28	27	30	32	36	31	37	44	42	42	46	45	47	53	54	54
14	Dịch vụ tài chính	22	22	21	22	24	23	29	29	30	29	28	36	32	27	30	28	30	41	41	44
15	Công nghệ Thông tin	15	18	21	25	28	29	-	41	40	39	-	-	-	42	39	38	37	41	36	35

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HDB	28,050	-1.4%	2.0%	140,398	1.6	7.2	3,897	225.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MSR	60,100	-0.3%	14.3%	66,744	4.6	27.4	2,208	99.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	75,800	0.0%	3.0%	56,268	2.2	17.0	4,472	33.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	37,500	0.0%	1.4%	49,867	2.1	6.5	5,818	21.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	16,500	10.0%	21.3%	48,256	2.0	122.4	135	58.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	112,000	1.7%	4.2%	33,600	5.1	9.6	11,734	6.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
NAB	12,500	0.0%	1.2%	26,985	1.0	5.6	2,250	27.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	147,000	2.9%	5.0%	26,286	5.5	23.1	6,359	89.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGC	44,500	1.5%	4.1%	19,952	2.4	14.0	3,174	17.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	51,700	-2.6%	2.8%	19,112	1.8	9.9	5,267	8.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	49,500	6.0%	10.0%	16,068	2.5	13.1	3,740	26.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DGW	47,400	6.3%	6.4%	10,587	2.8	12.5	3,782	171.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DHC	38,550	1.4%	2.2%	4,096	1.6	7.5	5,172	8.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	47,000	1.1%	2.0%	3,433	2.3	-1,521.6	-31	46.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BFC	57,500	5.3%	15.2%	3,287	2.2	12.7	4,535	17.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVP	22,850	3.9%	9.6%	2,370	1.2	7.3	3,120	21.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CDC	20,900	2.0%	2.5%	2,206	2.0	43.5	481	5.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VTZ	20,400	0.5%	1.5%	1,554	1.7	22.9	890	19.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DRI	16,700	3.1%	11.3%	1,211	1.5	5.5	3,030	38.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
C69	17,700	2.9%	8.6%	1,094	1.6	29.5	600	5.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCX	27,800	-0.4%	-4.6%	92,556	2.0	15.0	1,858	49.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	24,950	-1.0%	-3.3%	23,497	0.9	20.5	1,218	34.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	13,350	0.4%	-4.0%	20,323	1.0	7.5	1,773	78.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	15,000	-0.7%	-2.0%	16,833	0.9	9.6	1,567	47.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	15,200	-0.7%	-3.2%	15,214	1.3	8.3	1,828	29.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	12,000	-2.4%	-5.5%	12,819	1.2	22.8	525	20.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	12,700	-2.3%	-3.8%	11,423	0.9	11.4	1,119	111.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	21,650	-6.1%	-29.5%	11,079	0.8	4.5	4,780	242.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	46,200	-6.9%	-15.2%	10,777	2.9	10.7	4,365	12.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	13,450	1.1%	-1.8%	9,390	0.8	2.3	5,869	19.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CII	11,750	0.0%	-4.1%	7,896	0.8	69.0	170	57.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DIG	9,020	-2.5%	-2.3%	7,615	0.8	9.1	987	25.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	18,500	0.0%	-4.1%	7,047	1.6	16.7	1,105	8.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSI	24,700	0.2%	-4.6%	6,667	1.2	12.8	1,937	5.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	10,300	-1.9%	-6.4%	6,136	1.0	32.1	321	50.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	14,650	-2.7%	-4.6%	5,962	0.9	6.4	2,298	17.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTS	19,900	0.0%	-2.9%	5,418	1.9	14.4	1,385	12.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHV	8,840	0.1%	-1.7%	5,079	0.4	7.6	1,164	15.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IJC	6,410	-2.3%	-2.4%	4,036	0.5	5.4	1,186	5.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	9,000	-1.1%	-3.3%	3,888	0.4	176.2	51	7.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
F88	46,200	-6.85%	-15.23%	98,000	112.1%	4,365	2.9	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	7,550	1.75%	-1.95%	16,000	111.9%	(354)	0.7	-21.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HDC	10,100	-2.42%	-4.72%	21,400	111.9%	2,909	0.8	3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	15,000	-0.66%	-1.96%	31,700	111.3%	1,567	0.9	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	21,650	-6.07%	-29.48%	42,900	98.2%	4,780	0.8	4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	14,650	-2.66%	-4.56%	28,700	95.9%	2,298	0.9	6.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	74,400	1.64%	3.33%	140,000	88.2%	6,661	3.1	11.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DPG	26,100	0.77%	-6.12%	48,900	87.4%	3,530	1.1	7.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	29,400	0.00%	1.73%	52,000	76.9%	5,852	0.8	5.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GEX	23,200	1.31%	-2.93%	40,500	74.6%	1,049	1.5	22.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PLC	18,300	-0.54%	-1.61%	31,900	74.3%	1,850	1.0	9.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,500	-1.10%	-4.59%	23,100	71.1%	1,976	0.7	6.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
DMX	77,000	0.00%	0.00%	130,600	69.6%	5,112	3.1	15.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NLG	21,700	-0.91%	0.23%	36,800	69.6%	1,407	0.8	15.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	29,650	-0.34%	-0.67%	48,800	64.6%	5,172	1.2	5.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	19,150	0.26%	-3.28%	29,600	54.6%	3,237	1.2	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	33,800	0.30%	1.20%	51,200	51.5%	5,201	2.1	6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGC	44,500	1.48%	4.09%	66,800	50.1%	3,174	2.4	14.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	23,800	0.85%	-2.46%	35,600	49.6%	3,191	1.1	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	16,550	-1.49%	-4.34%	24,700	49.2%	887	0.9	18.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn